

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh mục và dự toán chi tiết các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh đợt VI, năm 2020.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 17/12/2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Công văn số 3967/BKH-CN-KHTC ngày 10/12/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn nội dung kế hoạch và dự toán ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ năm 2020 của các tỉnh, thành phố;

Căn cứ Quyết định số 5318/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 2637/QĐ-UBND ngày 02/7/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch các nhiệm vụ khoa học và công nghệ năm 2020 tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Liên ngành: Sở Khoa học và Công nghệ và Sở Tài chính tại Tờ trình số 1555/TTr-SKH-CN-STC ngày 16/11/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục và dự toán chi tiết các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) cấp tỉnh đợt VI, năm 2020 như sau:

1. Số lượng nhiệm vụ KH&CN: 10 nhiệm vụ (Tên, tổ chức chủ trì, mục tiêu, nội dung chính, dự kiến kết quả, thời gian thực hiện, kinh phí thực hiện của từng nhiệm vụ KH&CN tại Biểu 1 kèm theo).

2. Kinh phí thực hiện: 25.686,721 triệu đồng (Bằng chữ: Hai mươi lăm tỷ, sáu trăm tám mươi sáu triệu, bảy trăm hai mươi mốt nghìn đồng), trong đó:

- Nguồn sự nghiệp KH&CN (Phần ngân sách nhà nước): 13.365,4 triệu đồng;
- Nguồn khác và nguồn tự có: 12.321,321 triệu đồng.

(Có dự toán chi tiết tại các Biểu: 1a, 1b, 1c, 1d, 1đ, 1e, 1f, 1g, 1h, 1i kèm theo).

Điều 2. Căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1, Quyết định này:

1. Sở Khoa học và Công nghệ quyết định bổ nhiệm chủ nhiệm các nhiệm vụ KH&CN và ký kết hợp đồng nghiên cứu theo đúng quy định hiện hành của pháp luật.

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN nêu trên, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt giao kinh phí cho các đơn vị, tổ chức chủ trì thực hiện trong dự toán ngân sách tỉnh từ nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ năm 2021 theo nội dung Công văn số 14125/UBND-NN ngày 08/10/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Khoa học và Công nghệ, Tài chính; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức chủ trì các nhiệm vụ KH&CN được phê duyệt tại Điều 1 và Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCT TTr UBND tỉnh Nguyễn Đức Quyền;
- PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NN (QB 58).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Quyền

Biểu 1: DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ KH&CN CẤP TỈNH ĐỢT VI, NĂM 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Tên nhiệm vụ KHCN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Thời gian thực hiện	Kinh phí (Triệu đồng)		Ghi chú
			Mục tiêu	Nội dung			Tổng số	SNKH	
1.	Dự án: Ứng dụng khoa học công nghệ xây dựng mô hình sản xuất giống và trồng thương phẩm cây Bơ Booth7, Bơ 034 tại một số huyện miền núi tỉnh Thanh Hóa.	Viện Nông nghiệp Thanh Hóa	<p><i>Mục tiêu chung:</i> Ứng dụng KHCN xây dựng thành công mô hình sản xuất giống và trồng thương phẩm cây ăn quả giá trị kinh tế cao giống Bơ Booth7, Bơ 034, góp phần tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập, nâng cao đời sống cho người dân vùng miền núi tỉnh Thanh Hóa.</p> <p><i>Mục tiêu cụ thể:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận thành công 04 quy trình kỹ thuật sản xuất giống và trồng thương phẩm giống Bơ Booth7, Bơ 034. - Xây dựng thành công 01 vườn cây mẹ ưu tú, mỗi loại 100 cây để cung cấp mắt ghép nhân giống. - Xây dựng thành công 2 mô hình sản xuất giống Bơ Booth7, Bơ 034 trong nhà lưới. Quy mô mỗi loại 1.500 cây giống/năm đạt tiêu chuẩn cây giống xuất vườn; - Xây dựng thành công 2 mô hình trồng thương phẩm giống Bơ Booth7, Bơ 034. Quy mô 3ha/giống. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tham quan học tập một số mô hình tại các tỉnh Miền Nam - Tổ chức lựa chọn các thành phần tham gia mô hình trồng thương phẩm Bơ Booth7, Bơ 034. Xây dựng và ký kết các văn bản làm cơ sở triển khai thực hiện các mô hình. - Tiếp nhận các quy trình công nghệ. - Tập huấn quy trình kỹ thuật trồng thương phẩm giống Bơ Booth 7 và giống Bơ 034. - Xây dựng các mô hình - Hoàn thiện bản hướng dẫn kỹ thuật sản xuất giống và trồng thương phẩm giống Bơ Booth7 và giống Bơ 034 phù hợp với điều kiện tại Thanh Hóa. - Báo cáo tổng kết và nghiệm thu kết quả dự án 	<ul style="list-style-type: none"> - Mô hình vườn cây mẹ ưu tú, chiều cao 2,0m, đường kính tán 1,5m, đường kính gốc 8cm, số lượng cây mẹ 200 cây (100 cây/giống). Được Sở NN&PTNT công nhận là vườn cây đầu dòng tại địa phương. - 01 Mô hình sản xuất giống Bơ Booth7, Bơ 034 trong nhà lưới, 3.000 cây giống đạt tiêu chuẩn cây giống xuất vườn theo TCVN 9301:2013. - 02 Mô hình trồng thương phẩm giống Bơ Booth7, Bơ 034 quy mô 03ha/giống; cây sinh trưởng, phát triển tốt, phù hợp với điều kiện lập địa. - Bản hướng dẫn kỹ thuật sản xuất giống; kỹ thuật trồng thương phẩm giống Bơ Booth7, Bơ 034, phù hợp với điều kiện của địa phương. - 15 cán bộ kỹ thuật được cấp giấy chứng nhận đào 	36 tháng	4680,23	1389,37	Dự toán chi tiết tại biểu 1a kèm theo

			- Đào tạo 15 cán bộ kỹ thuật và tập huấn cho 150 lượt người dân nắm vững các quy trình kỹ thuật của dự án.		<p>tạo và 150 lượt người dân được tập huấn kỹ thuật.</p> <p>- Phương án nhân rộng và sử dụng kết quả dự án.</p>				
2.	Dự án: Ứng dụng vật liệu hấp thụ năng lượng mới, xây dựng mô hình sản xuất và tiêu thụ nước mắm truyền thống Diêm Phố tại huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	Công ty TNHH một thành viên Hùng Minh	<p><i>Mục tiêu chung:</i></p> <p>Ứng dụng vật liệu hấp thụ năng lượng mới, xây dựng thành công mô hình sản xuất và tiêu thụ nước mắm truyền thống Diêm Phố, góp phần nâng cao thu nhập, tạo công ăn việc làm, tăng hiệu quả kinh tế cho người dân ở vùng ven biển của tỉnh.</p> <p><i>Mục tiêu cụ thể:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận và hoàn thiện được quy trình kỹ thuật sản xuất nước mắm truyền thống Diêm Phố có sử dụng vật liệu hấp thụ năng lượng mới. - Thiết kế, chế tạo, lắp đặt được 01 dây chuyền công nghệ thiết bị sản xuất nước mắm truyền thống Diêm Phố sử dụng vật liệu hấp thụ năng lượng mới với công suất 100.000 lít nước mắm thành phẩm/năm. - Tạo lập nhãn hiệu chứng nhận Diêm Phố cho sản phẩm nước mắm truyền thống của huyện Hậu Lộc. - Sản xuất được 100.000 lít nước mắm thành phẩm đảm bảo chất lượng theo TCVN 5107:2018. - Xây dựng được bản hướng dẫn kỹ thuật vận hành hệ 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyên giao, tiếp nhận quy trình công nghệ ứng dụng vật liệu mới trong sản xuất nước mắm Diêm Phố, Hậu Lộc. - Hoàn thiện quy trình sản xuất nước mắm ứng dụng vật liệu hấp thụ năng lượng mới. - Tổ chức sản xuất nước mắm thương phẩm theo hệ thống hấp thụ năng lượng mặt trời sử dụng vật liệu mới kết hợp náo đảo (để vận hành ổn định hệ thống). - Xây dựng bản hướng dẫn vận hành hệ thống hấp thụ năng lượng mặt trời sử dụng vật liệu mới kết hợp náo đảo phù hợp với điều kiện Thanh Hóa. - Xây dựng các điều kiện để đăng ký nhãn hiệu chứng nhận cho sản phẩm “Nước mắm Diêm Phố Hậu Lộc”. - Xây dựng hệ thống công cụ truy xuất nguồn gốc sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận “Nước mắm Diêm Phố Hậu Lộc”. - Xây dựng phương án nhân rộng mô hình được 	<ul style="list-style-type: none"> - Quy trình công nghệ hoàn thiện sản xuất nước mắm truyền thống Diêm Phố sử dụng vật liệu hấp thụ năng lượng mới. - 03 hệ thống thiết bị sản xuất nước mắm truyền thống Diêm Phố sử dụng vật liệu hấp thụ năng lượng mới, với tổng công suất 100.000 lít nước mắm thành phẩm/năm. - Giấy chứng nhận nhãn hiệu chứng nhận cho sản phẩm “Nước mắm Diêm Phố Hậu Lộc” do Cục Sở hữu trí tuệ cấp. - 100.000 lít nước mắm thành phẩm đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN 5107:2018. - Báo cáo tổng kết dự án. 	24 tháng	6666,629	1569,8	Dự toán chi tiết tại biểu 1b kèm theo

			thống hấp thụ năng lượng mặt trời sử dụng vật liệu mới kết hợp náo đảo phù hợp với điều kiện Thanh Hóa. - Đào tạo được 20 cán bộ kỹ thuật của tổ chức chủ trì; các đơn vị, hộ sản xuất kinh doanh nước mắm vận hành thành thạo hệ thống hấp thụ năng lượng mặt trời sử dụng vật liệu mới kết hợp náo đảo.	UBND huyện Hậu Lộc xác nhận. - Báo cáo tổng kết dự án.					
3.	Đề tài: Nghiên cứu bảo tồn và phát triển một số loài được liệt kê quý hiếm, có giá trị kinh tế cao: Trà hoa vàng Hàm Yên (<i>Camellia hamyenensis</i> .M. Sealy), Trà hoa vàng Cúc Phương (<i>Camellia cucphuongensis</i> T.Ninh & Rosmann) tại các huyện miền núi tỉnh Thanh Hóa.	Hạt Kiểm lâm huyện Thạch Thành	<i>Mục tiêu chung:</i> - Nghiên cứu thành công kỹ thuật nhân giống và trồng thương phẩm Trà hoa vàng Hàm Yên, Trà hoa vàng Cúc Phương tại Thanh Hóa, phục vụ công tác bảo tồn loài được liệt kê quý (có tên trong sách đỏ Việt Nam), có giá trị kinh tế cao và góp phần nâng cao thu nhập cho người dân, giảm áp lực phá rừng đặc dụng. - Xây dựng thành công mô hình trồng thương phẩm cây Trà hoa vàng Hàm Yên, Trà hoa vàng Cúc Phương làm cơ sở để nhân rộng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. <i>Mục tiêu cụ thể:</i> - Đánh giá được tình hình nghiên cứu, gây trồng khai thác và tiêu thụ Trà hoa vàng Hàm Yên, Trà hoa vàng Cúc Phương tại Thanh Hóa và Việt Nam. - Xác định được phân bố của	- Điều tra thu thập tài liệu về tình hình nghiên cứu và thực tế sản xuất, bảo tồn phát triển (trồng, khai thác, chế biến, tiêu thụ) Trà hoa vàng tại Thanh Hóa và Việt Nam. Điều tra thực trạng phân bố của Trà hoa vàng Hàm Yên, Trà hoa vàng Cúc Phương tại huyện Thạch Thành, huyện Quan Hóa - Nghiên cứu kỹ thuật nhân giống vô tính Trà hoa vàng Hàm Yên, Trà hoa vàng Cúc Phương. - Nghiên cứu kỹ thuật trồng thương phẩm Trà hoa vàng Hàm Yên, Trà hoa vàng Cúc Phương. - Xây dựng mô hình trồng thương phẩm Trà hoa vàng Hàm Yên và Trà hoa vàng Cúc Phương. - Đánh giá các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật của các mô hình trồng thử nghiệm	- Báo cáo tình hình nghiên cứu và thực tế sản xuất, bảo tồn phát triển Trà hoa vàng tại Thanh Hóa và Việt Nam. - Báo cáo tình hình phân bố của Trà hoa vàng Hàm Yên, Trà hoa vàng Cúc Phương tại huyện Thạch Thành, huyện Quan Hóa. - Vườn lưu giữ giống: Diện tích 1.000 m ² , gồm 100 cây Trà hoa vàng Hàm Yên và 100 cây Trà hoa vàng Cúc Phương (cung cấp hom giống sản xuất được 5.000 cây giống đạt tiêu chuẩn xuất vườn/năm). - Vườn ươm nhân giống vô tính cây Trà hoa vàng Hàm Yên, Trà hoa vàng Cúc Phương: diện tích 500 m ² , công suất 5.000 cây/năm (2.500 cây giống mỗi loại). - Mô hình trồng thương	30 tháng	2204,545	1242,001	Dự toán chi tiết tại biểu 1c kèm theo

		<p>loài Trà hoa vàng Hàm Yên, Trà hoa vàng Cúc Phương tại một số khu vực trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa có phân bố Trà hoa vàng (huyện Thạch Thành, huyện Quan Hóa).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng thành công vườn lưu giữ giống Trà hoa vàng Hàm Yên, Trà hoa vàng Cúc Phương tại Thanh Hóa, phục vụ công tác bảo tồn và phát triển loài dược liệu quý, có giá trị kinh tế cao. - Xây dựng mô hình trồng thử nghiệm thương phẩm cây Trà hoa vàng Hàm Yên, Trà hoa vàng Cúc Phương, làm cơ sở để nhân rộng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. - Nghiên cứu kỹ thuật nhân giống và trồng Trà hoa vàng Hàm Yên, Trà hoa vàng Cúc Phương để làm thương phẩm tại Thanh Hóa. 	<p>Trà hoa vàng Hàm Yên, Trà hoa vàng Cúc Phương.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đào tạo tập huấn kỹ thuật nhân giống, trồng thương phẩm. - Xây dựng phương án sử dụng và nhân rộng kết quả đề tài. - Tổng kết, nghiệm thu đề tài 	<p>phẩm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Mô hình trồng tập trung 1,0 ha (0,5 ha Trà hoa vàng Hàm Yên; 0,5 ha Trà hoa vàng Cúc Phương); Tỷ lệ sống $\geq 90\%$. + Mô hình trồng phân tán: 2,0 ha (1 ha Trà hoa vàng Hàm Yên; 1 ha Trà hoa vàng Cúc Phương); Tỷ lệ sống $\geq 90\%$. - Báo cáo đánh giá các chỉ tiêu sinh trưởng, phát triển của mô hình trồng thử nghiệm. - Bản hướng dẫn kỹ thuật nhân giống vô tính cây giống Trà hoa vàng bằng phương pháp giâm hom phù hợp với điều kiện Thanh Hóa - Bản hướng dẫn kỹ thuật trồng thương phẩm Trà hoa vàng phù hợp với điều kiện Thanh Hóa - 05 cán bộ khuyến nông thành thạo về kỹ thuật nhân giống vô tính và trồng thương phẩm Trà hoa vàng Hàm Yên, Trà hoa vàng Cúc Phương. - 150 lượt người (cán bộ khuyến nông xã và nông dân) nắm vững quy trình kỹ thuật chăm sóc cây giống và kỹ thuật trồng thương phẩm Trà hoa vàng Hàm Yên, Trà hoa 				
--	--	---	--	---	--	--	--	--

					vàng Cúc Phương. - Phương án sử dụng và nhân rộng kết quả đề tài. - Báo cáo tổng kết đề tài - File điện tử lưu trong USB ghi hình triển khai đề tài.				
4.	Đề tài: Nghiên cứu, thử nghiệm trồng thâm canh rừng gỗ lớn bằng một số giống Keo lá tràm mới kết hợp trồng xen cây dược liệu Ngải máu tại Thanh Hóa	Trung tâm Khuyến nông Thanh Hóa	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá được khả năng sinh trưởng của Keo lá tràm (các dòng: Clt7, Clt18, Clt57, Clt98 và AA9) từ cây nuôi cấy mô, nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả rừng trồng gỗ lớn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. - Đánh giá được hiệu quả trồng xen cây dược liệu (cây Ngải máu) để làm cơ sở nhân rộng mô hình góp phần nâng cao thu nhập cho người trồng rừng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Điều tra khảo sát lựa chọn địa điểm, hộ tham gia, chuẩn bị hiện trường trồng rừng, thực hiện các nội dung nghiên cứu. - Định danh loài, xác định tên khoa học của mẫu và xác định giá trị dược liệu loài ngải máu phân bố tại Thanh Hóa. - Nghiên cứu, thử nghiệm trồng thâm canh rừng gỗ lớn bằng một số giống keo lá tràm mới từ cây nuôi cấy mô. - Nghiên cứu đánh giá tình hình sinh trưởng của cây Ngải máu dưới tán rừng Keo trồng năm 1, năm 2. - Đánh giá chất lượng dược liệu của mô hình trồng xen Ngải máu. - Tập huấn đào tạo. - Xây dựng phương án sử dụng, ứng dụng kết quả đề tài. - Tổ chức hội thảo khoa học, đánh giá tổng kết, nghiệm thu mô hình. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả lựa chọn địa điểm và chọn hộ tham gia đề tài. - Báo cáo định danh loài và xác định giá trị dược liệu của loài Ngải máu phân bố tại Thanh Hóa. - Báo cáo kết quả mô hình thử nghiệm trồng thâm canh gỗ lớn bằng một số giống keo lá tràm mới. - Báo cáo kết quả mô hình trồng xen cây Ngải máu dưới tán rừng keo năm 1 và 2 tại Thanh Hóa. - Bản hướng dẫn kỹ thuật trồng Ngải máu dưới tán rừng - Bản hướng dẫn kỹ thuật trồng rừng thâm canh gỗ lớn bằng một số giống Keo lá tràm mới có năng suất chất lượng gỗ cao từ cây nuôi cấy mô. - Báo cáo chất lượng dược liệu của loài ngải máu trong mô hình trồng xen với chất lượng dược liệu của loài ngải máu 	36 tháng	1679,7	1328,4	Dự toán chi tiết tại biểu 1d kèm theo

					<p>trong tự nhiên.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ. - Phương án sử dụng, ứng dụng kết quả đề tài. - Báo cáo tổng kết đề tài - Bài báo đăng trên tạp san chuyên ngành. 				
5.	<p>Đề tài: Nghiên cứu lai tạo chọn lọc lợn cái từ tổ hợp lai (♀ VCN-MS15 x ♂ MC) để sản xuất lợn sữa xuất khẩu tại Thanh Hóa</p>	<p>Viện Nông nghiệp Thanh Hóa</p>	<p><i>Mục tiêu chung:</i> Chọn tạo được lợn cái làm giống (♀ VCN-MS15 x ♂ MC) từ tổ hợp lai giữa lợn cái VCN-MS15 và lợn đực Móng Cái thuần nhằm sản xuất lợn sữa thương phẩm xuất khẩu có chất lượng cao, góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế cho người dân chăn nuôi.</p> <p><i>Mục tiêu cụ thể:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Lai tạo, chọn lọc được lợn cái làm giống (MC-VCN-MS15 từ tổ hợp lai lợn cái VCN-MS15 với lợn đực Móng Cái thuần có năng suất sinh sản đạt ≥ 24 con cai sữa/nái/năm. - Sản xuất được lợn sữa thương phẩm xuất khẩu từ giống lợn cái (♀ VCN-MS15 x ♂ MC) lai với lợn đực Yorkshire và lợn đực Landrace. - Xây dựng được bản hướng dẫn kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng lợn nái (MC-VCN-MS15) sinh sản phù hợp với điều kiện của Thanh Hóa. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đào tạo kỹ thuật và tập huấn kỹ thuật chăn nuôi lợn nái sinh sản VCN-MS15 và lợn cái MC-VCN-MS15. - Nghiên cứu lai tạo giống lợn có khả năng sinh sản cao từ cái hậu bị VCN-MS15 với đực Móng Cái thuần. - Nghiên cứu năng suất sinh sản của lợn cái (MC-VCN-MS15) phối với lợn đực Yorkshire, Landrace - Nghiên cứu khả năng sinh trưởng và phát triển của lợn con thương phẩm được sinh ra từ tổ hợp lai (MC-VCN-MS15 x đực Yorkshire/Landrace). - Xây dựng 02 bản hướng dẫn kỹ thuật. - Tổ chức Hội thảo đánh giá hiệu quả sản xuất giống lợn MC-VCN-MS15 tại Thanh Hóa. - Phương án sử dụng và nhân rộng kết quả đề tài - Tổng kết, nghiệm thu đề tài. 	<ul style="list-style-type: none"> - 100 con lợn cái hậu bị (♀ VCN-MS15 x ♂ MC) đạt tiêu chuẩn lợn nái sinh sản. - 2.400 con lợn sữa thương phẩm đạt tiêu chuẩn xuất khẩu (theo tiêu chuẩn lợn sữa lạnh đông xuất khẩu 10TCN-508-2002 tại Quyết định số 39/2002/QĐ-BNN ngày 17/5/2002). - Bản hướng dẫn kỹ thuật lai tạo giống, chọn lọc, nuôi dưỡng lợn cái hậu bị từ tổ hợp lai (♀ VCN-MS15 x ♂ MC). - Bản hướng dẫn kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng lợn nái (♀ VCN-MS15 x ♂ MC) sinh sản phù hợp với điều kiện của Thanh Hóa - 10 cán bộ kỹ thuật được cấp giấy chứng nhận đào tạo. - 100 người dân được tập huấn kỹ thuật. - Phương án sử dụng và nhân rộng kết quả đề tài. - Báo cáo tổng kết đề tài. 	30 tháng	2722,637	1298,239	<p>Dự toán chi tiết tại biểu 1đ kèm theo</p>

					<ul style="list-style-type: none"> - File điện tử lưu trong USB ghi hình triển khai đề tài. - Bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành. 				
6.	<p>Đề tài: Nghiên cứu kỹ thuật sản xuất giống và nuôi thử nghiệm Ngao Dầu (Meretrix meretrix Linnaeus, 1758) thương phẩm tại Thanh Hóa.</p>	Viện Nông nghiệp Thanh Hóa	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng được bản hướng dẫn kỹ thuật sản xuất giống Ngao dầu. - Xác định được môi trường nuôi thích hợp đối với Ngao dầu tại Thanh Hóa. - Xây dựng thành công mô hình nuôi thử nghiệm Ngao dầu quy mô 500 m². 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu kỹ thuật sản xuất giống Ngao Dầu. - Nghiên cứu môi trường nuôi thích hợp đối với Ngao Dầu tại Thanh Hóa - Xây dựng mô hình nuôi thử nghiệm Ngao dầu tại Thanh Hóa. - Xây dựng phương án sử dụng, nhân rộng kết quả đề tài. 	<ul style="list-style-type: none"> - Bản hướng dẫn kỹ thuật sản xuất giống Ngao dầu - Báo cáo kết quả nghiên cứu môi trường nuôi thích hợp đối với Ngao Dầu. - Báo cáo kết quả mô hình nuôi thử nghiệm Ngao dầu (kèm minh chứng sản lượng Ngao dầu đã sản xuất). - Phương án sử dụng, nhân rộng kết quả đề tài. - Bài báo công bố kết quả nghiên cứu đề tài. 	30 tháng	1382,55	1104,1	Dự toán chi tiết tại biểu 1e kèm theo
7.	<p>Dự án: Ứng dụng hệ thống lưu trữ và truyền hình ảnh y khoa (PACS) hỗ trợ quản lý vận hành bệnh viện trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa</p>	Trung tâm Thông tin - Ứng dụng chuyển giao KH&CN Thanh Hóa	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá được thực trạng hệ thống lưu trữ, truyền hình ảnh y khoa và nhu cầu ứng dụng hệ thống PACS tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh. - Tiếp nhận chuyển giao và hoàn thiện quy trình ứng dụng PACS cho 02 bệnh viện gồm: 01 bệnh viện ngoài công lập; 01 bệnh viện công lập tuyến huyện. - Xây dựng thành công mô hình ứng dụng PACS cho 02 bệnh viện trên (Dự kiến: Bệnh viện đa khoa Hợp Lực và Bệnh viện đa khoa Hoằng Hóa). - Vận hành, thử nghiệm 	<ul style="list-style-type: none"> - Khảo sát, đánh giá thực trạng hệ thống lưu trữ, truyền hình ảnh y khoa và nhu cầu ứng dụng hệ thống PACS tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh. - Tiếp nhận chuyển giao và hoàn thiện quy trình ứng dụng PACS cho: 01 bệnh viện ngoài công lập; 01 bệnh viện công lập tuyến huyện. - Xây dựng mô hình ứng dụng PACS cho Bệnh viện đa khoa Hợp Lực và Bệnh viện đa khoa huyện Hoằng Hóa. - Vận hành thử nghiệm hệ 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo đánh giá thực trạng hệ thống lưu trữ, truyền hình ảnh y khoa và nhu cầu ứng dụng hệ thống PACS tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh. - Quy trình ứng dụng PACS cho 2 bệnh viện: 1 bệnh viện ngoài công lập và 1 bệnh viện công lập tuyến huyện đã hoàn thiện. - Báo cáo kết quả xây dựng mô hình ứng dụng PACS cho Bệnh viện đa khoa Hợp Lực và Bệnh viện đa khoa huyện Hoằng Hóa. 	18 tháng	1930,63	1253,39	Dự toán chi tiết tại biểu 1f kèm theo

			thành công hệ thống lưu trữ và truyền hình ảnh y khoa (PACS) hỗ trợ quản lý vận hành tại 02 bệnh viện trên.	thống lưu trữ và truyền hình ảnh y khoa (PACS) hỗ trợ quản lý vận hành tại 02 bệnh viện trên. - Phương án sử dụng và nhân rộng kết quả.	- Báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm hệ thống lưu trữ và truyền hình ảnh y khoa (PACS) hỗ trợ quản lý vận hành tại 02 bệnh viện trên. - Báo cáo phương án sử dụng kết quả dự án.				
8.	Đề tài: Nghiên cứu sản xuất sản phẩm tác dụng hỗ trợ điều hòa glucose huyết ở bệnh nhân đái tháo đường type 2 từ loài Mía dò trên địa bàn các huyện miền núi tỉnh Thanh Hóa.	Trường Đại học Hồng Đức	- Xác định được công dụng điều hòa đường glucose huyết của cao chiết từ loài Mía dò trên địa bàn các huyện miền núi tỉnh Thanh Hóa. - Xây dựng được quy trình sản xuất cao Mía dò để phục vụ sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe có tác dụng hỗ trợ điều hòa glucose huyết	- Định danh loài, thực trạng phân bố đa dạng sinh học, đặc điểm thực vật học, trữ lượng của cây Mía dò trên địa bàn các huyện miền núi Thanh Hóa. - Nghiên cứu xác định các chỉ tiêu định lượng, thành phần hóa học của cây Mía dò trên địa bàn các huyện miền núi Thanh Hóa. - Hội thảo thảo khoa học: “Thực trạng phân bố đa dạng sinh học, đặc điểm thực vật học, trữ lượng và thành phần hóa học của loài Mía dò”. - Nghiên cứu xây dựng “Quy trình công nghệ sản xuất cao Mía dò chứa hoạt chất có khả năng hỗ trợ điều trị tiểu đường quy mô phòng thí nghiệm, xây dựng tiêu chuẩn cơ sở cho cao Mía dò”. - Nghiên cứu đánh giá tác dụng dược lý hỗ trợ điều trị bệnh tiểu đường của cao Mía dò.	- Báo cáo định danh loài, thực trạng phân bố đa dạng sinh học, đặc điểm thực vật học, trữ lượng của cây Mía dò trên địa bàn các huyện miền núi tỉnh Thanh Hóa (có kèm theo kết quả đánh giá của đơn vị có chức năng). - Báo cáo phân tích thành phần hóa học của cây Mía dò - Báo cáo Kết quả đánh giá tác dụng dược lý hỗ trợ điều trị bệnh tiểu đường của cao Mía dò (có kèm theo kết quả đánh giá của đơn vị có chức năng). - Báo cáo đánh giá độc tính cấp, độc tính bán trường dẫn của cao chiết từ cây Mía dò (có kèm theo kết quả đánh giá của đơn vị có chức năng). - Tiêu chuẩn cơ sở cho cao Mía dò. - Quy trình công nghệ sản xuất cao Mía dò chứa hoạt chất có khả năng hỗ trợ	24 tháng	1768,6	1768,6	Dự toán chi tiết tại biểu 1g kèm theo

				<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu độc tính cấp, độc tính bán trường diễn của cao Mía dò. - Hội thảo khoa học: “Tinh an toàn và công dụng hỗ trợ điều trị bệnh đái tháo đường của dịch chiết Mía dò Thanh Hóa” - Sản xuất thử nghiệm cao Mía dò. - Phương án sử dụng kết quả nghiên cứu. 	<ul style="list-style-type: none"> điều trị tiêu đường quy mô phòng thí nghiệm; xây dựng tiêu chuẩn cơ sở cho cao Mía dò. - 5kg cao Mía dò . - Giấy xác nhận đã tiếp nhận hồ sơ đăng ký giải pháp hữu ích. - Báo cáo Phương án sử dụng kết quả của đề tài. - Bài báo công bố kết quả nghiên cứu của đề tài. 				
9.	<p>Đề tài: Nghiên cứu thực trạng chuyển dịch cơ cấu lao động, việc làm và đề xuất giải pháp phát triển sinh kế bền vững cho người dân bị thu hồi đất tại các khu kinh tế, khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa</p>	<p>Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá thực trạng chuyển dịch cơ cấu lao động (CCLĐ) việc làm của người dân bị thu hồi đất tại các KKT, KCN (khu kinh tế, khu công nghiệp) trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa trong giai đoạn 2010 - 2019. - Đề xuất được giải pháp phát triển sinh kế bền vững cho người dân bị thu hồi đất tại các KKT, KCN trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa trong giai đoạn 2020 - 2025. - Xây dựng được mô hình sinh kế bền vững cho người dân bị thu hồi đất tại các KKT, KCN trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa để làm cơ sở nhân rộng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá thực trạng chuyển dịch CCLĐ, việc làm của người dân bị thu hồi đất tại các KKT, KCN trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2010-2019. - Đánh giá các yếu tố tác động đến chuyển dịch CCLĐ việc làm của người dân bị thu hồi đất tại các KKT, KCN trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2010-2019. - Học tập kinh nghiệm ở một số địa phương đã triển khai thành công các mô hình sinh kế bền vững cho người dân đất tại các KKT, KCN. - Nghiên cứu đề xuất các giải pháp phát triển sinh kế bền vững cho người dân bị thu hồi đất tại các KKT, KCN trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020-2025. - Triển khai một số giải 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo thực trạng chuyển dịch CCLĐ, việc làm và sinh kế của người dân bị thu hồi đất tại các KKT, KCN trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2010 -2019 - Báo cáo đánh giá các yếu tố tác động đến chuyển dịch CCLĐ việc làm của người dân bị thu hồi đất tại các KKT, KCN trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2010-2019. - Báo cáo giải pháp phát triển sinh kế bền vững cho người dân bị thu hồi đất tại các KKT, KCN trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020-2025. - Mô hình sinh kế bền vững cho người dân bị thu hồi đất tại KKT Nghi Sơn (mô hình lý thuyết) - Báo cáo kết quả triển khai thực hiện mô hình sinh kế bền vững cho 	18 tháng	1043,29	1043,29	<p>Dự toán chi tiết tại biểu 1h kèm theo</p>

				pháp phát triển sinh kế bền vững cho người dân bị thu hồi đất tại KKT Nghi Sơn. - Xây dựng phương án sử dụng kết quả đề tài.	người dân bị thu hồi đất tại KKT Nghi Sơn. - Phương án sử dụng và nhân rộng kết quả đề tài - Bài báo công bố kết quả nghiên cứu của đề tài.				
10.	Đề tài: Nghiên cứu xây dựng mô hình nuôi ruồi lính đen (Hermetia illucens) xử lý rác thải hữu cơ để tạo nguồn thức ăn trong chăn nuôi và phân hữu cơ cho cây trồng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Trường Đại học Hồng Đức	- Xây dựng được quy trình kỹ thuật sản xuất giống ruồi lính đen. - Xây dựng được quy trình kỹ thuật sản xuất phân hữu cơ vi sinh từ phân ruồi lính đen - Xây dựng được quy trình kỹ thuật sản xuất thức ăn chăn nuôi từ ấu trùng và nhộng ruồi lính đen. - Xây dựng thành công 05 mô hình: + Mô hình sản xuất giống ruồi lính đen, quy mô 200m ² ; + Xây dựng mô hình nuôi ruồi lính đen xử lý rác thải hữu cơ sinh hoạt hữu cơ, quy mô 200m ² ; + Xây dựng mô hình nuôi ruồi lính đen xử lý rác thải chăn nuôi tại trang trại chăn nuôi tập trung, quy mô 200m ² ; + Xây dựng mô hình sản xuất rau sử dụng thử nghiệm sản phẩm phân hữu cơ vi sinh, quy mô 0,1 ha; + Xây dựng mô hình chăn nuôi thử nghiệm thức ăn chăn nuôi từ ấu trùng và bột nhộng ruồi lính đen, quy mô 300 con (150 con/lứa x 2 lứa).	- Khảo sát đánh giá nguồn rác thải hữu cơ trên địa bàn tỉnh. - Khảo sát và thăm quan học tập kinh nghiệm các mô hình nhân giống, mô hình nuôi ruồi lính đen tại Hà Nội, Thái Bình. - Nghiên cứu xây dựng quy trình kỹ thuật sản xuất giống ruồi lính đen. - Xây dựng mô hình sản xuất giống ruồi lính đen, quy mô 200m ² . - Xây dựng mô hình nuôi ruồi lính đen xử lý rác thải. - Nghiên cứu xây dựng quy trình sản xuất phân hữu cơ vi sinh từ phân ruồi lính đen. - Nghiên cứu xây dựng quy trình sản xuất thức ăn chăn nuôi từ ấu trùng và nhộng ruồi lính đen. - Xây dựng các mô hình thử nghiệm phân bón và thức ăn chăn nuôi.	- Quy trình kỹ thuật sản xuất giống ruồi lính đen. - Quy trình kỹ thuật nuôi ruồi lính đen xử lý rác thải hữu cơ từ chợ đầu mối và các siêu thị nhà hàng, cơ sở sản xuất chế biến thực phẩm. - Quy trình kỹ thuật nuôi ấu trùng ruồi lính đen để xử lý rác thải hữu cơ tại các cơ sở chăn nuôi tập trung trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. + Quy trình kỹ thuật sản xuất phân hữu cơ sinh học từ phân ruồi lính đen. + Quy trình kỹ thuật sản xuất thức ăn chăn nuôi từ ấu trùng và nhộng ruồi lính đen. Báo cáo chuyên môn: + Nguồn rác thải hữu cơ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; + Kết quả triển khai mô hình sản xuất giống ruồi lính đen; + Kết quả triển khai mô hình nuôi ruồi lính đen xử lý rác thải hữu cơ từ chợ đầu mối và các siêu thị	24 tháng	1607,91	1368,21	Dự toán chi tiết tại biểu li kèm theo

					<p>nhà hàng, cơ sở sản xuất chế biến thực phẩm;</p> <p>+ Kết quả mô hình nuôi ấu trùng ruồi lính đen để xử lý rác thải hữu cơ tại các cơ sở chăn nuôi tập trung;</p> <p>+ Kết quả triển khai mô hình sản xuất rau sử dụng thử nghiệm sản phẩm phân hữu cơ vi sinh sản xuất từ phân ruồi lính đen;</p> <p>+ Kết quả triển khai mô hình chăn nuôi bằng ấu trùng và bột nhộng ruồi lính đen.</p> <p>- Báo cáo phương án sử dụng kết quả nghiên cứu</p> <p>- Báo cáo tổng kết đề tài</p>				
	Tổng					25686,721	13365,4		

Biểu 1a: Dự toán chi tiết dự án “Ứng dụng khoa học công nghệ xây dựng mô hình sản xuất giống và trồng thương phẩm cây Bơ Booth7, Bơ 034 tại một số huyện miền núi tỉnh Thanh Hóa”

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Nội dung chi	Tổng (triệu đồng)	Trong đó (triệu đồng)		
			Nguồn SNKH		Nguồn tự có, khác
			Tổng	Trong đó khoản chi	
1.	Khoản 1: Nguyên vật liệu	1527,65	510,21	0	1017,44
2.	Khoản 2: Năng lượng (điện, xăng dầu....)	88,05	0	0	88,05
3.	Khoản 3: Thiết bị, máy móc mua mới	117,5	0	0	117,5
4.	Khoản 4: Kinh phí hỗ trợ công nghệ	298,97	229,2	229,2	69,77
5.	Khoản 5: Đầu tư cơ sở hạ tầng	240	0	0	240
6.	Khoản 6: Chi phí lao động	1987,15	264,04	264,04	1723,1
7.	Khoản 7: Chi khác	420,92	385,92	385,92	35,0
	Tổng	4680,23	1389,37	879,16	3290,86

Ghi chú: Nội dung chi tiết các khoản chi nêu trên và phương án xử lý tài sản theo Văn bản số 1352/KLTD-SKHCVN ngày 06/10/2020 của Giám đốc Sở KH&CN./.

Biểu 1b: Dự toán chi tiết dự án “Ứng dụng vật liệu hấp thụ năng lượng mới, xây dựng mô hình sản xuất và tiêu thụ nước mắm truyền thống Diêm Phố tại huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa”

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Nội dung chi	Tổng (triệu đồng)	Trong đó (triệu đồng)		
			Nguồn SNKH		Nguồn tự có, khác
			Tổng	Trong đó khoản chi	
1.	Khoản 1: Nguyên vật liệu	2668,12	494,208	0	2173,912
2.	Khoản 2: Năng lượng (điện, xăng dầu...)	144	0	0	144
3.	Khoản 3: Thiết bị, máy móc mua mới	981,5	210,6	0	770,9
4.	Khoản 4: Kinh phí hỗ trợ công nghệ	318	318	318	0
5.	Khoản 5: Đầu tư cơ sở hạ tầng	600	0	0	600
6.	Khoản 6: Chi phí lao động	1727,729	376,512	376,512	1.351,217
7.	Khoản 7: Chi khác	227,28	170,48	170,48	56,8
	Tổng	6666,629	1569,8	864,992	5096,829

Ghi chú: Nội dung chi tiết các khoản chi nêu trên và phương án xử lý tài sản theo Văn bản số 1258/KLTD-SKHCVN ngày 16/9/2020 của Giám đốc Sở KH&CN./.

**Biểu 1c: Dự toán chi tiết đề tài “Nghiên cứu bảo tồn và phát triển một số loài dược liệu quý hiếm, có giá trị kinh tế cao:
Trà hoa vàng Hàm Yên (*Camellia hamyensis*.M.Sealy), Trà hoa vàng Cúc Phương (*Camellia cucphuongensis* T.Ninh & Rosmann)
tại các huyện miền núi tỉnh Thanh Hóa”**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Nội dung chi	Tổng (triệu đồng)	Trong đó (triệu đồng)		
			Nguồn SNKH		Nguồn tự có, khác
			Tổng	Trong đó khoản chi	
1.	Khoản 1: Công lao động (khoa học, phổ thông)	650,812	505,673	505,673	145,139
2.	Khoản 2: Nguyên, vật liệu, năng lượng	1335,705	580,848	0	754,857
3.	Khoản 3: Thiết bị, máy móc	45,548	0	0	45,548
4.	Khoản 4: Xây dựng, sửa chữa nhỏ	0	0	0	0
5.	Khoản 5: Chi khác	172,48	155,48	155,48	17
	Tổng	2204,545	1242,001	661,153	962,544

Ghi chú: Nội dung chi tiết các khoản chi nêu trên và phương án xử lý tài sản theo Văn bản số 1366/KLTĐ-SKH&CN ngày 08/10/2020 của Giám đốc Sở KH&CN./.

Biểu 1d: Dự toán chi tiết đề tài “Nghiên cứu, thử nghiệm trồng thâm canh rừng gỗ lớn bằng một số giống Keo lá tràm mới kết hợp trồng xen cây dược liệu Ngải máu tại Thanh Hóa”

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Nội dung chi	Tổng (triệu đồng)	Trong đó (triệu đồng)		
			Nguồn SNKH		Nguồn tự có, khác
			Tổng	Trong đó khoản chi	
1.	Khoản 1: Công lao động (khoa học, phổ thông)	1223,1	871,8	871,8	351,3
2.	Khoản 2: Nguyên, vật liệu, năng lượng	200,0	200,0	0	0
3.	Khoản 3: Thiết bị, máy móc	0	0	0	0
4.	Khoản 4: Xây dựng, sửa chữa nhỏ	0	0	0	0
5.	Khoản 5: Chi khác	256,6	256,6	256,6	0
	Tổng	1679,7	1328,4	1128,4	351,3

Ghi chú: Nội dung chi tiết các khoản chi nêu trên và phương án xử lý tài sản theo Văn bản số 1355/KLTD-SKHCVN ngày 07/10/2020 của Giám đốc Sở KH&CN./.

**Biểu 1đ: Dự toán chi tiết đề tài “Nghiên cứu lai tạo chọn lọc lợn cái từ tổ hợp lai (♀ VCN-MS15 x ♂ MC)
để sản xuất lợn sữa xuất khẩu tại Thanh Hóa”**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Nội dung chi	Tổng (triệu đồng)	Trong đó (triệu đồng)		
			Nguồn SNKH		Nguồn tự có, khác
			Tổng	Trong đó khoản chi	
1.	Khoản 1: Công lao động (khoa học, phổ thông)	627,519	207,19	207,19	420,329
2.	Khoản 2: Nguyên, vật liệu, năng lượng	1771,638	915,569	0	856,069
3.	Khoản 3: Thiết bị, máy móc	19	11	0	8
4.	Khoản 4: Xây dựng, sửa chữa nhỏ	140	0	0	140
5.	Khoản 5: Chi khác	164,48	164,48	164,48	0
	Tổng	2722,637	1298,239	371,67	1424,398

Ghi chú: Nội dung chi tiết các khoản chi nêu trên và phương án xử lý tài sản theo Văn bản số 1372/KLTD-SKHCVN ngày 09/10/2020 của Giám đốc Sở KH&CN./.

**Biểu 1e: Dự toán chi tiết đề tài “Nghiên cứu kỹ thuật sản xuất giống và nuôi thử nghiệm Ngao Dầu
(Meretrix meretrix Linnaeus, 1758) thương phẩm tại Thanh Hóa”**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Nội dung chi	Tổng (triệu đồng)	Trong đó (triệu đồng)		
			Nguồn SNKH		Nguồn tự có, khác
			Tổng	Trong đó khoản chi	
1.	Công lao động (khoa học, phổ thông)	501,1	425,5	425,5	75,6
2.	Nguyên, vật liệu, năng lượng	774,17	571,32	0	202,85
3.	Thiết bị, máy móc	0	0	0	0
4.	Xây dựng, sửa chữa nhỏ	0	0	0	0
5.	Chi khác	107,28	107,28	107,28	0
	Tổng	1382,55	1104,1	532,78	278,45

Ghi chú: Nội dung chi tiết các khoản chi nêu trên và phương án xử lý tài sản theo Văn bản số 1358/KLTĐ-SKH&CN ngày 07/10/2020 của Giám đốc Sở KH&CN./.

Biểu 1f: Dự toán chi tiết dự án “Ứng dụng hệ thống lưu trữ và truyền hình ảnh y khoa (PACS) hỗ trợ quản lý vận hành bệnh viện trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa”

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Nội dung chi	Tổng (triệu đồng)	Trong đó (triệu đồng)		
			Nguồn SNKH		Nguồn tự có, khác
			Tổng	Trong đó khoản chi	
1.	Nguyên vật liệu, năng lượng	106,4	0	0	106,4
2.	Máy móc thiết bị	787,2	216,36	0	570,84
3.	Chi phí hỗ trợ công nghệ	488,75	488,75	488,75	0
4.	Chi phí lao động	372,21	372,21	372,21	0
5.	Chi khác	176,07	176,07	176,07	0
	Tổng	1930,63	1253,39	1037,03	677,24

Ghi chú: Nội dung chi tiết các khoản chi nêu trên và phương án xử lý tài sản theo Văn bản số 1379/KLTĐ-SKHCN ngày 09/10/2020 của Giám đốc Sở KH&CN./.

Biểu 1g: Dự toán chi tiết đề tài “Nghiên cứu sản xuất sản phẩm tác dụng hỗ trợ điều hòa glucose huyết ở bệnh nhân đái tháo đường type 2 từ loài Mía dò trên địa bàn các huyện miền núi tỉnh Thanh Hóa”
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Nội dung chi	Tổng (triệu đồng)	Trong đó (triệu đồng)		
			Nguồn SNKH		Nguồn tự có, khác
			Tổng	Trong đó khoản chi	
1.	Khoản 1: Công lao động (khoa học, phổ thông)	827,35	827,35	827,35	0
2.	Khoản 2: Nguyên vật liệu, năng lượng	601,24	601,24	0	0
3.	Khoản 3: Thiết bị, máy móc: không	0	0	0	0
4.	Khoản 4: Xây dựng và sửa chữa nhỏ	0	0	0	0
5.	Khoản 5: Chi khác	340,01	340,01	340,01	0
	Tổng	1768,6	1768,6	1167,36	0

Ghi chú: Nội dung chi tiết các khoản chi nêu trên và phương án xử lý tài sản theo Văn bản số 1323/KLTD-SKHCVN ngày 28/9/2020 của Giám đốc Sở KH&CN./.

Biểu 1h: Dự toán chi tiết đề tài “Nghiên cứu thực trạng chuyển dịch cơ cấu lao động, việc làm và đề xuất giải pháp phát triển sinh kế bền vững cho người dân bị thu hồi đất tại các khu kinh tế, khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa”

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Nội dung chi	Tổng (triệu đồng)	Trong đó (triệu đồng)		
			Nguồn SNKH		Nguồn tự có, khác
			Tổng	Trong đó khoản chi	
1.	Khoản 1: Công lao động (khoa học, phổ thông)	750,5	750,5	750,5	0
2.	Khoản 2: Nguyên, vật liệu, năng lượng	0	0	0	0
3.	Khoản 3: Thiết bị, máy móc	0	0	0	0
4.	Khoản 4: Xây dựng, sửa chữa nhỏ	0	0	0	0
5.	Khoản 5: Chi khác	292,79	292,79	221,04	0
	Tổng	1043,29	1043,29	971,54	0

Ghi chú: Nội dung chi tiết các khoản chi nêu trên và phương án xử lý tài sản theo Văn bản số 1383/KLTĐ-SKHCHN ngày 09/10/2020 của Giám đốc Sở KH&CN./.

Biểu 1i: Dự toán chi tiết đề tài “Nghiên cứu xây dựng mô hình nuôi ruồi lính đen (*Hermetia illucens*) xử lý rác thải hữu cơ để tạo nguồn thức ăn trong chăn nuôi và phân hữu cơ cho cây trồng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa”

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Nội dung chi	Tổng (triệu đồng)	Trong đó (triệu đồng)		
			Nguồn SNKH		Nguồn tự có, khác
			Tổng	Trong đó khoản chi	
1.	Khoản 1: Công lao động (khoa học, phổ thông)	854,02	795,52	778,72	58,5
2.	Khoản 2: Nguyên, vật liệu, năng lượng	323,32	278,62	0	44,7
3.	Khoản 3: Thiết bị, máy móc	109,5	93	0	16,5
4.	Khoản 4: Xây dựng, sửa chữa nhỏ	120	0	0	120
5.	Khoản 5: Chi khác	201,07	201,07	172,87	0
	Tổng	1607,91	1368,21	951,59	239,7

Ghi chú: Nội dung chi tiết các khoản chi nêu trên và phương án xử lý tài sản theo Văn bản số 1391/KLTD-SKHCVN ngày 13/10/2020 của Giám đốc Sở KH&CN./.